

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẠ HOÀ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 12/4/2024

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ HOÀ, TỈNH PHÚ THỌ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đình Yên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Chu Thị Ngọc Lan

Ông Lê Thiết Hùng

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Ngô Văn Tứ - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa

Đại diện VKSND huyện Hạ Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy C - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2023/TLST - HNGĐ ngày 11/12/2023 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 17/02/2024; Quyết định hoãn phiên tòa: 04/2024/QĐ - ST, ngày 15 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Khu D, thị trấn H, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Đặng Văn N, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Khu D, thị trấn H, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

(Chị T có mặt, anh N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Đặng Văn N có đăng ký kết hôn với nhau năm 1994 tại Ủy ban nhân dân xã Á, huyện T, tỉnh Vĩnh Phú (nay là thị trấn H, huyện H, tỉnh Phú Thọ). Hiện do thời gian đã lâu Giấy chứng nhận kết hôn bị thất lạc mất và địa phương cũng không còn lưu trữ. Trước khi kết hôn vợ chồng được tự nguyện tìm hiểu,

không bị ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận được vài năm đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình ngày càng không hợp, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng. Vợ chồng hiện sống ly thân. Nay chị T thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn anh Đặng Văn N.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị T xác định vợ chồng có hai con chung là Đặng Thị Hồng N1, sinh ngày 18/9/1993 và Đặng Duy L, sinh ngày 09/6/1996. Hiện hai con chung đã thành niên, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay chung; công sức đóng góp: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lời khai của bị đơn anh Đặng Văn N:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án, triệu tập cho anh Đặng Văn N, xong anh N không đến Tòa làm việc. Tòa án đã phối hợp cùng chính quyền địa phương đến nhà anh N để làm việc trực tiếp, anh N cho rằng vợ chồng không còn tình cảm gì, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn nhanh nhưng anh từ chối làm việc, không nhận bất cứ văn bản tố tụng gì. Vì vậy, anh không có bản tự khai và vụ án không tiến hành hoà giải được. Tòa án đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng của tại trụ sở TAND huyện Hạ Hoà, khu dân cư và UBND thị trấn H nơi anh Đặng Văn N đang cư trú.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, xác định:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đặng Văn N.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Đặng Văn N có hai con chung là Đặng Thị Hồng N1, sinh ngày 18/9/1993 và Đặng Duy L, sinh ngày 09/6/1996. Hiện hai con chung đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, tài sản cho vay: Chị Nguyễn Thị T không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và bị đơn anh Đặng Văn N, đều trú tại: Khu D, thị trấn H, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ.

[1.2]. Về sự vắng mặt của bị đơn anh Đặng Văn N tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã phối hợp cùng chính quyền địa phương đến nhà anh N làm việc trực tiếp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh N, để anh đến Tòa có lời khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; anh N cho rằng vợ chồng không còn tình cảm gì, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn nhanh nhưng anh từ chối làm việc, không nhận bất cứ văn bản tố tụng gì. Vì vậy, Tòa án đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa tại khu dân cư, Ủy ban nhân dân thị trấn H nơi anh Đặng Văn N đang cư trú và trụ sở TAND huyện Hạ Hòa. Tại phiên tòa, anh N vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ hai. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án theo quy định là phù hợp.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và của chính quyền địa phương nơi anh, chị cư trú có thể xác định: Chị Nguyễn Thị T và anh Đặng Văn N có đăng ký kết hôn năm 1994 Ủy ban nhân dân xã Á, huyện T, tỉnh Vĩnh Phú (nay là thị trấn H, huyện H, tỉnh Phú Thọ). Đây là hôn nhân hợp pháp phù hợp với pháp luật. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng sống hòa thuận được thời gian đầu sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do thường xuyên bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng, hiện đang sống ly thân nhau. Phía anh N cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T xin ly hôn anh cũng đồng ý ly hôn, xong anh không viết bản tự khai hay ký biên bản lấy lời khai và nhận các văn bản tố tụng, anh N từ chối đến Tòa làm việc.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh N đã mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị

T xin ly hôn với anh N là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với thực tế cuộc sống vợ chồng và quy định tại khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Đặng Văn N có hai con chung là Đặng Thị Hồng N1, sinh ngày 18/9/1993 và Đặng Duy L, sinh ngày 09/6/1996. Hiện hai con chung đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, tài sản cho vay: Chị Nguyễn Thị T không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh N vắng mặt không có lời khai, nên không đặt ra để giải quyết. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[2.4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Đặng Văn N.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Đặng Văn N có hai con chung là Đặng Thị Hồng N1, sinh ngày 18/9/1993 và Đặng Duy L, sinh ngày 09/6/1996. Hiện hai con chung đã thành niên. Nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, tài sản cho vay: Chị Nguyễn Thị T không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh N vắng mặt không có lời khai, nên không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Số tiền chị T phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai ký hiệu BLTU/2023 số: 0002860 ngày 08/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hạ Hòa.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận

được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật, đề đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Hạ Hòa;
- UBND thị trấn Hạ Hòa, huyện Hạ Hòa;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trịnh Đình Yên

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẠ HOÀ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 12/4/2024

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ HOÀ, TỈNH PHÚ THỌ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đình Y

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Chu Thị Ngọc L1

Ông Lê Thiết H

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Ngô Văn T1 - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa

Đại diện VKSND huyện Hạ Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy C - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2023/TLST - HNGĐ ngày 11/12/2023 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 17/02/2024; Quyết định hoãn phiên tòa: 04/2024/QĐ - ST, ngày 15 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Khu D, thị trấn H, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Đặng Văn N, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Khu D, thị trấn H, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

(Chị T có mặt, anh N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Đặng Văn N có đăng ký kết hôn với nhau năm 1994 tại Ủy ban nhân dân xã Á, huyện T, tỉnh Vĩnh Phú (nay là thị trấn H, huyện H, tỉnh Phú Thọ). Hiện do thời gian đã lâu Giấy chứng nhận kết hôn bị thất lạc mất và địa phương cũng không còn lưu trữ. Trước khi kết hôn vợ chồng được tự nguyện tìm hiểu, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận được vài năm đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình ngày càng không hợp, vợ chồng

thường xuyên bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng. Vợ chồng hiện sống ly thân. Nay chị T thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn anh Đặng Văn N.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị T xác định vợ chồng có hai con chung là Đặng Thị Hồng N1, sinh ngày 18/9/1993 và Đặng Duy L, sinh ngày 09/6/1996. Hiện hai con chung đã thành niên, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay chung; công sức đóng góp: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lời khai của bị đơn anh Đặng Văn N:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án, triệu tập cho anh Đặng Văn N, xong anh N không đến Tòa làm việc. Tòa án đã phối hợp cùng chính quyền địa phương đến nhà anh N để làm việc trực tiếp, anh N cho rằng vợ chồng không còn tình cảm gì, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn nhanh nhưng anh từ chối làm việc, không nhận bất cứ văn bản tố tụng gì. Vì vậy, anh không có bản tự khai và vụ án không tiến hành hoà giải được. Tòa án đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng của tại trụ sở TAND huyện Hạ Hoà, khu dân cư và UBND thị trấn H nơi anh Đặng Văn N đang cư trú.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, xác định:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đặng Văn N.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Đặng Văn N có hai con chung là Đặng Thị Hồng N1, sinh ngày 18/9/1993 và Đặng Duy L, sinh ngày 09/6/1996. Hiện hai con chung đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, tài sản cho vay: Chị Nguyễn Thị T không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và bị đơn anh Đặng Văn N, đều trú tại: Khu D, thị trấn H, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ.

[1.2]. Về sự vắng mặt của bị đơn anh Đặng Văn N tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã phối hợp cùng chính quyền địa phương đến nhà anh N làm việc trực tiếp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho

anh N, để anh đến Tòa có lời khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; anh N cho rằng vợ chồng không còn tình cảm gì, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn nhanh nhưng anh từ chối làm việc, không nhận bất cứ văn bản tố tụng gì. Vì vậy, Tòa án đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa tại khu dân cư, Ủy ban nhân dân thị trấn H nơi anh Đặng Văn N đang cư trú và trụ sở TAND huyện Hạ Hoà. Tại phiên tòa, anh N vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập phiên tòa họp lệ lần thứ hai. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án theo quy định là phù hợp.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và của chính quyền địa phương nơi anh, chị cư trú có thể xác định: Chị Nguyễn Thị T và anh Đặng Văn N có đăng ký kết hôn năm 1994 Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Vĩnh Phú (nay là thị trấn H, huyện H, tỉnh Phú Thọ). Đây là hôn nhân hợp pháp phù hợp với pháp luật. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng sống hòa thuận được thời gian đầu sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do thường xuyên bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng, hiện đang sống ly thân nhau. Phía anh N cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T xin ly hôn anh cũng đồng ý ly hôn, xong anh không viết bản tự khai hay ký biên bản lấy lời khai và nhận các văn bản tố tụng, anh N từ chối đến Tòa làm việc.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh N đã mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị T xin ly hôn với anh N là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với thực tế cuộc sống vợ chồng và quy định tại khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Đặng Văn N có hai con chung là Đặng Thị Hồng N1, sinh ngày 18/9/1993 và Đặng Duy L, sinh ngày 09/6/1996. Hiện hai con chung đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, tài sản cho vay: Chị Nguyễn Thị T không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh N vắng mặt không có lời khai, nên không đặt ra để giải quyết. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[2.4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản

2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Đặng Văn N.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Đặng Văn N có hai con chung là Đặng Thị Hồng N1, sinh ngày 18/9/1993 và Đặng Duy L, sinh ngày 09/6/1996. Hiện hai con chung đã thành niên. Nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, tài sản cho vay: Chị Nguyễn Thị T không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh N vắng mặt không có lời khai, nên không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Số tiền chị T phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai ký hiệu BLTU/2023 số: 0002860 ngày 08/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hạ Hòa.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật, để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Hạ Hòa;
- UBND thị trấn Hạ Hòa, huyện Hạ Hòa;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trịnh Đình Yên